

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày: 13 - 02 - 2023

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 793/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978 (Có mặt);

Bị đơn: Chị Trịnh Thúy H, sinh năm 1977 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Trịnh Thúy H làm chủ hui có mở dây hui vào ngày 15/02/2019 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng khai hui một lần, chị tham gia 01 phần, đóng hui được 16 kỳ với tổng số tiền vốn hui là 10.130.000 đồng thì chị H ngừng hui cho đến nay. Chị H đã trả cho chị được số tiền 2.400.000 đồng, còn lại số tiền 7.730.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị H trả cho chị vốn hui số tiền 7.730.000 đồng và khoản tiền lãi theo mức lãi suất của nhà nước từ ngày chị H ngừng hui (Ngày 15/4/2020) đến ngày xét xử (Ngày 13/02/2023).

Tại phiên tòa, bị đơn chị Trịnh Thúy H trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chị B về việc mở hui, số kỳ hui chị B đã đóng, vốn hui chị B đã đóng là 10.130.000 đồng, số tiền chị đã trả cho chị B là 2.400.000 đồng, số tiền còn lại là 7.730.000 đồng. Chị đồng ý trả cho chị B vốn hui số tiền 7.730.000 đồng và

khoản tiền lãi theo mức lãi suất của nhà nước từ ngày ngừng hụi (Ngày 15/4/2020) đến ngày xét xử (Ngày 13/02/2023).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đòi bị đơn chị Trịnh Thúy H trả vốn hụi số tiền 7.730.000 đồng và khoản tiền lãi theo mức lãi suất của nhà nước từ ngày chị H ngừng hụi (Ngày 15/4/2020) đến ngày xét xử (Ngày 13/02/2023), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, chị B xác định và chị H thừa nhận các nội dung sau: Vào ngày 15/02/2019 âm lịch chị H mở dây hụi loại 1.000.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng khui hụi một lần, chị B tham gia một phần, đóng hụi được 16 kỳ với tổng số tiền vốn hụi là 10.130.000 đồng, chị H ngừng hụi từ ngày 15/4/2020, chị H đã trả cho chị B số tiền 2.400.000 đồng, còn nợ lại số tiền 7.730.000 đồng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do chị H thừa nhận còn nợ chị B vốn hụi số tiền 7.730.000 đồng nên chị B không phải chứng minh.

Xét yêu cầu được hưởng lãi hụi của nguyên đơn chị B thấy rằng: Dây hụi trên là hụi có lãi; chị B là thành viên có quyền được hưởng lãi từ các thành viên đã lĩnh hụi; chị H là chủ hụi có nghĩa vụ nhận lãi từ các thành viên đã lĩnh hụi và trả lãi cho chị B; do yêu cầu được hưởng lãi hụi của chị B là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét mức lãi suất mà chị B yêu cầu được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do dây hụi ngừng vào ngày 15/4/2020 nên khoản tiền lãi được xác định từ ngày ngừng hụi đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 13/02/2023), cụ thể như sau: 7.730.000 đồng x 1,66%/tháng x 33 tháng 28 ngày = 4.354.500 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B, buộc bị đơn chị H trả cho chị B tổng số tiền 12.084.500 đồng (Trong đó, vốn hụi là 7.730.000 đồng, lãi hụi là 4.354.500 đồng).

[2] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Cụ thể, chị H phải chịu án phí số tiền 604.000 đồng.

- Nguyên đơn chị B không phải chịu án phí, đã dự nộp, được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Các Điều 15, 16, 17, 18, 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B.

Buộc chị Trịnh Thúy H trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 12.084.500 đồng (Mười hai triệu không trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

- Chị Trịnh Thúy H phải chịu án phí số tiền 604.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng), chưa nộp.

- Chị Nguyễn Thị B không phải chịu án phí. Ngày 19/12/2022, chị B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005948 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B, bị đơn chị Trịnh Thúy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà

